

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 36/2022/DS-ST
Ngày 26 tháng 5 năm 2022
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê, ông Lê Đăng Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/ QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/ QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam.

Địa chỉ: Số nhà 35, đường H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Cao T; Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch (Có mặt).

Nơi làm việc: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam, Chi nhánh B, Đắk Lắk - Phòng giao dịch K.

Địa chỉ: Số nhà 105, đường N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Theo văn bản ủy quyền số 1043A/BIDV.BH ngày 22 tháng 6 năm 2021.

Bị đơn: Ông Nguyễn Bá C, sinh năm 1956 (Vắng mặt); bà Lê Thị H, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Bá A, sinh năm 1982; Ông Nguyễn Bá C, sinh năm 1984; Ông Nguyễn Bá Q, sinh năm 1986; Bà Nguyễn Thị Diệu H1, sinh năm 1988; Bà Nguyễn Thị Diệu H2, sinh năm 1991 (Các ông/bà A, C, H1, H2 đều vắng mặt. Ông Q có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam (Gọi tắt là Ngân hàng) cho ông Nguyễn Bá C và bà Lê Thị H (Ông C, bà H) vay 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Lãi suất: 11,9%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng. Hình thức vay là có bảo đảm bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông C, bà H trả được 15.297.205đ tiền lãi, chưa trả gốc. Tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2022, ông C, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền 208.429.955đ (Gốc: 170.000.000đ, lãi suất trong hạn: 26.936.384đ, lãi suất quá hạn: 10.946.370đ, lãi chậm trả đối với lãi: 547.201đ).

Mặc dù đã quá hạn trả nợ nhưng ông C, bà H không trả do vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà H trả cho Ngân hàng số tiền trên và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/8289540/HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2020 và theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông C, bà H trả xong nợ, thì Ngân hàng đồng ý trả cho ông C, bà H toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8289540/HĐBĐ ngày 19 tháng 2 năm 2016 và theo Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/8289540/SĐBS ngày 24 tháng 4 năm 2020. Trường hợp ông C, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam (Ngân hàng) cho bà và ông C vay 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Lãi suất: 11,9%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng. Hình thức vay là có bảo đảm bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà và ông C mới trả được 15.297.205đ tiền lãi, chưa trả gốc. Do làm ăn thua lỗ nên ông bà chưa có trả vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông bà trả số tiền đã vay (170.000.000đ) và lãi suất phát sinh. Bà và ông C đồng ý trả, tuy nhiên do khó khăn nên ông bà xin trả dần. Trường hợp bà và ông C trả xong nợ, thì bà yêu cầu Ngân hàng trả lại tài sản thế chấp. Trường hợp bà và ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Bá Q trình bày:

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, ba mẹ ông đại diện gia đình có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2020/8289540/HĐTD với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam để vay 170.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 11,9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay để tiêu dùng gia đình, mua nội thất, làm sân hàng rào. Hình thức vay có bảo đảm bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Sau khi vay, gia đình ông mới trả được 15.297.205đ tiền lãi và chưa trả gốc. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ba mẹ ông phải trả số nợ gốc 170.000.000 đồng cùng lãi suất phát

sinh, thì gia đình ông đồng ý. Tuy nhiên, gia đình ông khó khăn do đó ông xin Ngân hàng cho trả dần. Trường hợp ba mẹ ông trả xong nợ thì yêu cầu Ngân hàng trả lại cho gia đình ông tài sản thế chấp. Trường hợp ba mẹ ông vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì ông đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Tại Hợp đồng tín dụng số 01/2020/8289540/HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2020 thể hiện nội dung:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam cho bà Lê Thị H vay 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Lãi suất: 11,9%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng.

Tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8289540/HĐBĐ ngày 19 tháng 2 năm 2016 có nội dung:

Bà Lê Thị H, ông Nguyễn Bá C thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 140 + 139b, tờ bản đồ 10, diện tích 3.500,0m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 198997 ngày 07 tháng 6 năm 1992 của UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/8289540/SĐBS ngày 24 tháng 4 năm 2020 đã ghi:

Sửa đổi, bổ sung tài sản thế chấp; giá trị tài sản thế chấp, nghĩa vụ của bên thế chấp, quyền của bên nhận thế chấp...

Tại các giấy ủy quyền ngày 19 tháng 2 năm 2016 và ngày 06 tháng 3 năm 2017 ghi:

Ông Nguyễn Bá C ủy quyền cho bà Lê Thị H dùng tài sản (Thửa đất số 140 + 139b, tờ bản đồ 10, diện tích 3.500,0m²) để thế chấp vay vốn Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Đại diện của nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 208.429.955đ và lãi suất phát sinh, kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2022 cho đến khi trả xong nợ. Sau khi bị đơn trả xong nợ, thì nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn tài sản đã thế chấp. Trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Mặc dù Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Hợp đồng tín dụng số 01/2020/8289540/ HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2020 thể hiện nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam cho bà Lê Thị H vay 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*). Lãi suất: 11,9%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng, bà Lê Thị H và ông Nguyễn Bá Q đều thừa nhận tính đến ngày 15 tháng 9 năm 2021, ông C, bà H mới trả cho Ngân hàng được 15.297.205đ tiền lãi, chưa trả gốc và lãi suất phát sinh. Ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh ông C, bà H đã trả xong nợ. Đến nay, Ngân hàng xác định ông C, bà H còn nợ số tiền 208.429.955đ. Xét thấy khoản tiền ông C, bà H vay của Ngân hàng đã quá hạn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng 01/2020/ 8289540/ HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2020 và theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, cho nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C, bà H trả số tiền 208.429.955đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, buộc ông C, bà H trả cho Ngân hàng số tiền là 208.429.955đ.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là của hộ ông C, bà H. Ông C đã ủy quyền cho bà H ký hợp đồng thế chấp và xét thấy việc thế chấp đã thực hiện theo đúng quy định, vì vậy trong trường hợp ông C, bà H thanh toán xong nợ, thì Ngân hàng phải trả lại cho ông C, bà H tài sản thế chấp. Trường hợp ông C, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5]. Về án phí: Mặc dù yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nhưng ông C, bà H là người cao tuổi vì vậy HĐXX căn cứ Điều 2 của Luật người cao tuổi, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để miễn nộp tiền án phí cho ông C, bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 227; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 385; 398; 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 2 của Luật người cao tuổi, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam, buộc ông Nguyễn Bá C, bà Lê Thị H trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam

số tiền: 208.429.955đ (Gốc: 170.000.000đ, lãi suất tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2022 là 38.429.955đ).

Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/ 8289540/ HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2020, kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2022 cho đến khi ông Nguyễn Bá C, bà Lê Thị H trả xong nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Bá C, bà Lê Thị H trả xong nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam phải trả lại cho ông Nguyễn Bá C, bà Lê Thị H tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8289540/HĐBĐ ngày 19 tháng 2 năm 2016; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/8289540/ SĐBS ngày 24 tháng 4 năm 2020.

Trường hợp ông Nguyễn Bá C, bà Lê Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản mà ông Nguyễn Bá C, bà Lê Thị H đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8289540/HĐBĐ ngày 19 tháng 2 năm 2016; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/8289540/ SĐBS ngày 24 tháng 4 năm 2020 để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Bá C, bà Lê Thị H được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

+ Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam số tiền 4.684.705đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/ 0003125 ngày 22 tháng 10 năm 2021.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
ĐỖ VĂN DŨNG**